

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh năm 2023

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐTTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023;

Thực hiện Kế hoạch số 42/KH- UBND ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2023 (*Chương trình MTQG dân tộc và miền núi*);

Thực hiện Thông báo số 139/TB-BVĐ ngày 31/10/2022 của Ban Vận động quỹ “vì người nghèo” tỉnh về kết luận cuộc họp Ban Vận động quỹ “vì người nghèo” tỉnh năm 2022;

Theo đề nghị của Ban Dân tộc tại Tờ trình số 28/TTr-BDT ngày 30/3/2023, ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 657/KHĐT-ĐT ngày 16/3/2023, ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 802/STC - HCSN ngày 29/3/2023,

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh năm 2023, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Nhằm tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả chỉ tiêu giảm 1.000 hộ nghèo dân tộc thiểu số (DTTS) trên địa bàn tỉnh Bình Phước, góp phần cải thiện đời sống, tăng nguồn thu nhập của hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số, tạo điều kiện cho hộ nghèo DTTS thoát nghèo bền vững.

2. Yêu cầu

- Tập trung huy động nguồn lực trong nhân dân, sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể thực hiện các chính sách, dự án góp phần giảm 1.000 hộ nghèo DTTS nhanh và bền vững.

- Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn gồm: nguồn vốn các nội dung hỗ trợ: đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt phân tán, chuyển đổi nghề tại Dự án 1 của Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình MTQG dân tộc và miền núi; nguồn đầu tư công năm 2023; nguồn vận động Quỹ “vì người nghèo” của tỉnh năm 2023; nguồn vận động hợp pháp khác theo quy định.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

Hỗ trợ các chính sách cụ thể như: (1) Xây dựng nhà ở (xây nhà ở mới và sửa chữa nhà ở); (2) đất ở; (3) nước sinh hoạt (giếng đào, giếng khoan và bồn chứa nước); (4) điện sinh hoạt (điện lưới, điện năng lượng mặt trời đối với những hộ ở xa khu dân cư); (5) nhà vệ sinh; (6) chuyển đổi nghề, sinh kế tạo việc làm tăng thu nhập: con giống (trâu, bò, dê, gà/vịt, heo); nông cụ phát triển sản xuất (máy cắt cỏ, máy cưa, bình xịt thuốc), xe máy. Nhằm giảm 1.005 hộ nghèo DTTS trên địa bàn tỉnh. Trong đó:

- Huyện Bù Đốp: 57 hộ.
- Huyện Bù Gia Mập: 316 hộ.
- Huyện Bù Đăng: 323 hộ.
- Huyện Đồng Phú: 29 hộ.
- Huyện Hớn Quản: 162 hộ.
- Huyện Phú Riềng: 18 hộ.
- Huyện Lộc Ninh: 96 hộ.
- Thị xã Bình Long: 04 hộ.

III. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, ĐỊNH MỨC THỰC HIỆN

1. Đối tượng: Hộ dân tộc thiểu số nghèo theo chuẩn hộ nghèo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ.

Ưu tiên hỗ trợ các đối tượng nghèo mới, không bao gồm các hộ nghèo DTTS đã được hỗ trợ thụ hưởng Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS để thoát nghèo giai đoạn 2019 - 2022 theo chuẩn nghèo mới bị tái nghèo.

2. Nội dung, định mức thực hiện

2.1. Hỗ trợ đất ở: 63 nhu cầu

Nguồn vốn hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/hộ (trong đó Nguồn đầu tư phát triển (ĐTPT) ngân sách Trung ương Chương trình MTQG dân tộc và miền núi: 40 triệu đồng; Nguồn ĐTPT ngân sách tỉnh, huyện đối ứng: 06 triệu đồng; Nguồn đầu tư công ngân sách tỉnh: 04 triệu đồng).

2.2. Hỗ trợ nhà ở: 769 nhu cầu, trong đó:

- Hỗ trợ xây dựng mới nhà ở: 538 nhu cầu. Nguồn vốn hỗ trợ không quá 86 triệu đồng/hộ (trong đó Nguồn ĐTPT ngân sách Trung ương Chương trình MTQG dân tộc và miền núi: 40 triệu đồng; Nguồn ĐTPT ngân sách tỉnh, huyện đối ứng: 06 triệu đồng; Nguồn vốn vận động từ quỹ “vì người nghèo” của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: 40 triệu đồng).

- Hỗ trợ sửa nhà ở: 231 nhu cầu. Nguồn vốn hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/hộ (trong đó Nguồn ĐTPT ngân sách Trung ương Chương trình MTQG dân tộc và miền núi: 20 triệu đồng; Nguồn ĐTPT ngân sách tỉnh, huyện đối ứng: 03 triệu đồng; Nguồn đầu tư công ngân sách tỉnh: 07 triệu đồng).

2.3. Hỗ trợ chuyển đổi nghề (hỗ trợ sinh kế tạo việc làm tăng thêm thu nhập): 1.497 nhu cầu. Cụ thể:

a) Hỗ trợ chăn nuôi: 717 nhu cầu. Nguồn vốn hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/hộ (Nguồn sự nghiệp (SN) ngân sách Trung ương Chương trình MTQG dân tộc và miền núi: 10 triệu đồng; Nguồn SN ngân sách tỉnh: 30 triệu đồng), trong đó:

- Hỗ trợ nuôi trâu: 125 nhu cầu.
- Hỗ trợ nuôi bò: 576 nhu cầu.
- Hỗ trợ nuôi dê: 10 nhu cầu.
- Hỗ trợ nuôi gà, vịt: 01 nhu cầu.
- Hỗ trợ nuôi heo: 05 nhu cầu.

b) Hỗ trợ nông cụ: 744 nhu cầu. Nguồn vốn hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/hộ (Nguồn SN ngân sách Trung ương Chương trình MTQG dân tộc và miền núi), trong đó:

- Hỗ trợ máy cắt cỏ (máy phát cỏ): 462 nhu cầu.

- Hỗ trợ máy cưa: 70 nhu cầu.
- Hỗ trợ bình xịt thuốc: 212 nhu cầu.

c) Hỗ trợ mua xe máy: 36 nhu cầu. Nguồn vốn hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/hộ (Nguồn sự nghiệp ngân sách tỉnh).

2.4. Hỗ trợ nước sinh hoạt: 801 nhu cầu, cụ thể:

- Giếng đào: 65 nhu cầu. Nguồn vốn hỗ trợ không quá 15 triệu đồng/hộ (Nguồn đầu tư công ngân sách tỉnh).

- Giếng khoan: 505 nhu cầu. Nguồn vốn hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/hộ (Nguồn đầu tư công ngân sách tỉnh).

- Mua dụng cụ chứa nước (bồn): 231 nhu cầu. Nguồn vốn hỗ trợ không quá 3,5 triệu đồng/hộ (Nguồn đầu tư công ngân sách tỉnh).

2.5. Hỗ trợ kéo điện: 383 nhu cầu, trong đó:

- Hỗ trợ kéo điện lưới: 333 nhu cầu. Nguồn vốn hỗ trợ không quá 3,5 triệu đồng/hộ (Nguồn đầu tư công ngân sách tỉnh).

- Hỗ trợ điện mặt trời: 50 nhu cầu. Nguồn vốn hỗ trợ không quá 09 triệu đồng/hộ (Nguồn đầu tư công ngân sách tỉnh).

** Đối với các nhu cầu giếng đào, giếng khoan, kéo điện ... tại các khu vực có mức thực hiện thực tế cao hơn so với định mức quy định chung áp dụng trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thị xã có thể thực hiện lồng ghép các nguồn vốn huy động hợp pháp khác hoặc bố trí kinh phí bổ sung để thực hiện đảm bảo nguồn nước hợp vệ sinh, đủ điện phục vụ sinh hoạt cho đồng bào DTTS nghèo theo quy định.*

2.6. Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh: 339 nhu cầu. Nguồn vốn hỗ trợ không quá 15 triệu đồng/hộ (Nguồn đầu tư công ngân sách tỉnh).

2.7. Hỗ trợ Tivi: 178 nhu cầu. Nguồn vốn hỗ trợ: không quá 04 triệu đồng/hộ (Nguồn sự nghiệp ngân sách tỉnh).

2.8. Vốn vay Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh: 33 nhu cầu. Mức cho vay tối đa không quá 100 triệu đồng/hộ.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Hỗ trợ các nhu cầu giảm nghèo lồng ghép các nguồn lực gồm: Chương trình MTQG dân tộc và miền núi, nguồn ngân sách tỉnh, nguồn vận động quỹ vì người nghèo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và vay vốn lãi suất thấp (lãi suất bằng 50% lãi suất cho hộ nghèo vay hiện nay) theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín

dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, từ Ngân hàng Chính sách Xã hội theo quy định.

2. Tổng nhu cầu và dự toán nguồn kinh phí thực hiện giảm 1.000 hộ DTTS nghèo năm 2023 là: 120.614 triệu đồng, cụ thể như sau:

2.1. Nguồn vốn Chương trình MTQG dân tộc và miền núi (Dự án 1): 42.273,5 triệu đồng (Đã được giao tại Quyết định 2316/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh), trong đó:

- Nguồn đầu tư phát triển là: 26.588 triệu đồng (Ngân sách Trung ương là 23.120 triệu đồng; Ngân sách tỉnh, huyện đối ứng 15% là 3.468 triệu đồng).

- Nguồn sự nghiệp là: 15.685,5 triệu đồng (Ngân sách Trung ương là 14.610 triệu đồng; Ngân sách tỉnh, huyện đối ứng 15% là 1.075,5 triệu đồng).

2.2. Ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình đặc thù giảm 1000 hộ nghèo DTTS năm 2023 là: 49.460,5 triệu đồng, gồm:

- Nguồn đầu tư công là: 27.594 triệu đồng (tại Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023).

- Nguồn sự nghiệp là: 21.866,5 triệu đồng.

2.3. Nguồn vốn từ Quỹ “vì người nghèo” của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: 25.800 triệu đồng.

2.4. Vốn vay từ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh: 3.080 triệu đồng.

(Kèm theo 04 biểu tổng hợp nhu cầu và dự toán nguồn vốn).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc

- Chủ trì, phối hợp cùng các sở, ban, ngành liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các huyện, thị xã thực hiện Kế hoạch; kịp thời tham mưu, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để hoàn thành Kế hoạch đã đề ra.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình.

- Tổng hợp trình UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch (nếu có thay đổi do yếu tố khách quan).

- Tham mưu UBND tỉnh văn bản đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tiếp tục vận động hỗ trợ nguồn vốn thực hiện xây dựng nhà ở cho hộ nghèo DTTS góp phần thực hiện hiệu quả Chương trình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tổng hợp chỉ tiêu Chương trình giảm nghèo bền vững vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2023. Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn thực hiện Chương trình theo quy định.

3. Sở Tài chính: Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thuộc nguồn vốn quản lý theo phân cấp quản lý ngân sách, thực hiện thẩm định và quyết toán theo quy định.

4. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo DTTS.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: chủ trì, hướng dẫn các huyện, thị xã rà soát hộ nghèo DTTS năm 2023. Đồng thời, phối hợp với UBND các huyện, thị xã hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chính sách hỗ trợ đào tạo nghề.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt và nông cụ.

7. Sở Thông tin và Truyền thông: chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan thực hiện các hoạt động giảm nghèo về thông tin, đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS được tiếp cận các dịch vụ truyền thông. Đồng thời, phối hợp với UBND các huyện, thị xã hướng dẫn, kiểm tra, giám sát đối với chính sách tiếp cận thông tin (hỗ trợ ti vi).

8. Sở Tài Nguyên và Môi trường: chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chính sách hỗ trợ đất ở, nước sinh hoạt.

9. Sở Công Thương: chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chính sách hỗ trợ về điện.

10. Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước: kịp thời thông tin các chủ trương, chính sách của Nhà nước về Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đến toàn thể nhân dân trong tỉnh nhằm hưởng ứng thực hiện Chương trình.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên:

- Tiếp tục vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo DTTS.
- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã hướng dẫn kiểm tra, giám sát việc xây dựng nhà ở theo Kế hoạch.
- Tổ chức giám sát việc thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS đảm bảo đạt hiệu quả.
- Chỉ đạo các cấp vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia hoạt động giám sát và hưởng ứng thực hiện có hiệu quả các nội dung theo Kế hoạch.

12. UBND các huyện, thị xã

- Căn cứ vào chỉ tiêu giảm hộ nghèo DTTS theo chỉ tiêu Kế hoạch đề ra, UBND các huyện, thị xã xây dựng kế hoạch cụ thể phù hợp với tình hình thực tế địa phương và đưa ra những giải pháp, triển khai, thực hiện giảm nghèo cho số hộ nghèo DTTS trên địa bàn theo đúng Kế hoạch này. Trước ngày 30/4/2023 phải xây dựng hoàn chỉnh Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh (qua Ban Dân tộc).
 - Chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên cùng cấp tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch tại địa phương.
 - Có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS năm 2023 của địa phương mình khi có yêu cầu gửi Ban Dân tộc tổng hợp.
- Yêu cầu các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã khẩn trương lập Kế hoạch và chủ động thực hiện đạt kết quả cao./.

Nơi nhận:

- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan (Mục V);
- UBND các huyện, thị xã Bình Long;
- LĐVP, Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT, KGVX (Ch).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh